

Số: ~~134~~ TB-SNV

Lai Châu, ngày 02 tháng 8 năm 2019

### THÔNG BÁO

**Kết quả xét tuyển; danh sách dự kiến người trúng tuyển công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 550/KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Lai châu về việc xét tuyển công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển năm 2019,

Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu thông báo kết quả xét tuyển; danh sách dự kiến người trúng tuyển công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển năm 2019 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<http://laichau.gov.vn/>); trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ (<http://sonv.laichau.gov.vn>) và niêm yết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ.

(Có danh sách kèm theo)

Sở Nội vụ thông báo để các thí sinh dự tuyển biết. 

**Nơi nhận:**

- Các thí sinh dự tuyển;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCBC: 



Vũ A Tiên



**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN**  
**CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI SINH VIÊN CỬ TUYỂN NĂM 2019**

(Kèm theo Thông báo số 1134/TB-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu)



| STT                                  | Số báo danh | Họ và tên                                                                                          | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                         | Đơn vị dự tuyển                                | Chuyên ngành đào tạo                     | Ngành đào tạo  | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn   | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|--------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|---------------------|--------------------------|--------------|-----------|
| <b>I LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b> |             |                                                                                                    |                       |           |              |                                                             |                                                |                                          |                |                     |                          |              |           |
|                                      | 1           | <b>Vị trí việc làm: Quản lý kế hoạch và Đầu tư - Phòng Khoa giáo, Văn xã Sở Kế hoạch và Đầu tư</b> |                       |           |              |                                                             |                                                |                                          |                |                     |                          |              |           |
| 1                                    | CC.01       | Vàng A Dê                                                                                          | 16/08/1994            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Tả Thàng, xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu      | Phòng Khoa giáo văn xã Sở Kế hoạch và Đầu tư   | Kinh tế đầu tư                           | Kinh tế đầu tư | Đại học             | 42,50                    | 5            | 47,50     |
| 2                                    | CC.02       | Sùng A Khua                                                                                        | 22/02/1990            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Pu Chu Phìn, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ              | Phòng Khoa giáo văn xã Sở Kế hoạch và Đầu tư   | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên           | Kinh tế        | Đại học             | 54,00                    | 5            | 59,00     |
| 3                                    | CC.03       | Vàng Thị Thu                                                                                       | 23/07/1994            | Nữ        | Dân tộc Thái | xã Nậm Mạ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu                      | Phòng Khoa giáo văn xã Sở Kế hoạch và Đầu tư   | Kinh tế Quản lý tài nguyên và môi trường | Kinh tế        | Đại học             | Không tham gia phỏng vấn |              |           |
|                                      | 2           | <b>Vị trí việc làm: Chuyên viên - Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>               |                       |           |              |                                                             |                                                |                                          |                |                     |                          |              |           |
| 4                                    | CC.04       | Lò Văn Út                                                                                          | 19/10/1991            | Nam       | Dân tộc Lào  | Nà Hiêng, Nà Tăm, Tam Đường, tỉnh Lai Châu                  | Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư | Kinh tế phát triển                       | Kinh tế        | Đại học             | 38,50                    | 5            | 43,50     |
| 5                                    | CC.05       | Tần Lù Mỷ                                                                                          | 20/08/1992            | Nữ        | Dân tộc Dao  | Bản Tả Sử Trồ, xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu | Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quản lý kinh tế                          | Kinh tế        | Đại học             | 20,00                    | 5            | 25,00     |

| STT | Số<br>bảo<br>danh | Họ và tên                                                                                | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc           | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                               | Đơn vị<br>dự tuyển                                     | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo                           | Ngành<br>đào tạo | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
|     | 3                 | Vị trí việc làm: Quản lý kế hoạch và Đầu tư - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Mường Tè  |                             |              |                   |                                                                      |                                                        |                                                      |                  |                              |                                 |                 |              |
| 6   | CC.06             | Lý Hu Xổ                                                                                 | 08/07/1990                  | Nữ           | Dân tộc<br>La Hủ  | Bản Huổi Han, xã<br>Bum Tở,<br>huyện Mường Tè,<br>tỉnh Lai Châu      | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện<br>Mường Tè  | Kinh tế nông<br>nghiệp<br>và phát triển<br>nông thôn | Kinh tế          | Đại học                      | 15,50                           | 5               | 20,50        |
| 7   | CC.07             | Mạ Lệ Phà                                                                                | 04/07/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Hà Nhì | Khu phố 1, thị trấn<br>Mường Tè,<br>huyện Mường Tè,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện<br>Mường Tè  | Quản lý<br>kinh tế                                   | Kinh tế          | Đại học                      | 52,00                           | 5               | 57,00        |
| 8   | CC.08             | Lý Văn Thủy                                                                              | 07/03/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Cống   | Bản Nậm Luồng<br>xã Nậm Khao, huyện<br>Mường Tè, tỉnh Lai<br>Châu    | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện<br>Mường Tè  | Kinh tế nông<br>nghiệp<br>và phát triển<br>nông thôn | Kinh tế          | Đại học                      | 8,00                            | 5               | 13,00        |
| 9   | CC.09             | Lý Mé Hừ                                                                                 | 25/03/1992                  | Nam          | Dân tộc<br>Hà Nhì | xã Kan Hồ,<br>huyện Mường Tè,<br>tỉnh Lai Châu                       | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện<br>Mường Tè  | Quản lý<br>kinh tế                                   | Kinh tế          | Đại học                      | 9,00                            | 5               | 14,00        |
|     | 4                 | Vị trí việc làm: Quản lý kế hoạch và Đầu tư - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Than Uyên |                             |              |                   |                                                                      |                                                        |                                                      |                  |                              |                                 |                 |              |
| 10  | CC.10             | Hà Văn Hiên                                                                              | 12/11/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Thái   | Xã Mường Cang,<br>huyện Than Uyên,<br>tỉnh Lai Châu                  | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện Than<br>Uyên | Kế hoạch                                             | Kinh tế          | Đại học                      | 54,50                           | 5               | 59,50        |



| STT                          | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên                                                                        | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc           | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                          | Đơn vị<br>dự tuyển                                      | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Ngành<br>đào tạo               | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
| 11                           | CC.11             | Lò Văn Đón                                                                       | 13/02/1992                  | Nam          | Dân tộc<br>Khơ Mú | Bản Hô Ta, xã Phúc<br>Khoa,<br>huyện Tân Uyên,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện Than<br>Uyên  | Kinh tế<br>đầu tư          | Kinh tế                        | Đại học                      | 24,00                           | 5               | 29,00        |
| 12                           | CC.12             | Phùng A Sừ                                                                       | 06/01/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Dao    | Xã Làng Mồ, huyện<br>Sìn Hồ,<br>tỉnh Lai Châu                   | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>UBND huyện Than<br>Uyên  | Kinh tế<br>đầu tư          | Kinh tế                        | Đại học                      | 19,50                           | 5               | 24,50        |
| <b>II LĨNH VỰC TÀI CHÍNH</b> |                   |                                                                                  |                             |              |                   |                                                                 |                                                         |                            |                                |                              |                                 |                 |              |
| 1                            |                   | Vị trí việc làm: Chuyên viên - Phòng Quản lý Giá công sản Sở Tài chính           |                             |              |                   |                                                                 |                                                         |                            |                                |                              |                                 |                 |              |
| 13                           | CC.13             | Vàng Thị Hạnh                                                                    | 14/4/1991                   | Nữ           | Dân tộc<br>Thái   | Tổ 1, phường Đoàn<br>Kết,<br>thành phố Lai Châu                 | Phòng Quản lý giá<br>công sản<br>Sở Tài chính           | Tài chính<br>công          | Tài<br>chính<br>- Ngân<br>hàng | Đại học                      | 21,50                           | 5               | 26,50        |
| 2                            |                   | Vị trí việc làm: Chuyên viên - Phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính         |                             |              |                   |                                                                 |                                                         |                            |                                |                              |                                 |                 |              |
| 14                           | CC.14             | Phàng A Cả                                                                       | 26/11/1995                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông   | xã Dào San,<br>huyện Phong Thổ,<br>tỉnh Lai Châu                | Phòng Tài chính<br>doanh nghiệp<br>Sở Tài chính         | Tài chính<br>doanh nghiệp  | Tài<br>chính<br>- Ngân<br>hàng | Đại học                      | 13,00                           | 5               | 18,00        |
| 3                            |                   | Vị trí việc làm: Chuyên viên - Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp Sở Tài chính |                             |              |                   |                                                                 |                                                         |                            |                                |                              |                                 |                 |              |
| 15                           | CC.15             | Lò Quang Huy                                                                     | 14/12/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Giáy   | Bản Lò Suối Tùng,<br>xã San Thàng, TP<br>Lai Châu               | Phòng Tài chính<br>Hành chính sự<br>nghiệp Sở Tài chính | Quản lý<br>kinh tế         | Kinh tế                        | Đại học                      | 50,00                           | 5               | 55,00        |



| STT                             | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên                                                                                | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                                | Đơn vị<br>dự tuyển                             | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo              | Ngành<br>đào tạo            | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|---------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
|                                 | 4                 | Vị trí việc làm: Quản lý tài chính ngân sách - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nậm Nhùn |                             |              |                 |                                                                       |                                                |                                         |                             |                              |                                 |                 |              |
| 16                              | CC.16             | Nguyễn Văn Hùng                                                                          | 03/06/1994                  | Nam          | Dân tộc<br>Thái | xã Mường Kim,<br>huyện Than Uyên,<br>tỉnh Lai Châu                    | Phòng Tài chính kế<br>hoạch<br>huyện Nậm Nhùn  | Ngân hàng                               | Tài chính<br>- Ngân<br>hàng | Đại học                      | 21,00                           | 5               | 26,00        |
| <b>III LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b> |                   |                                                                                          |                             |              |                 |                                                                       |                                                |                                         |                             |                              |                                 |                 |              |
|                                 | 1                 | Vị trí việc làm: Thanh tra về lĩnh vực công nghiệp - Thanh tra Sở Công Thương            |                             |              |                 |                                                                       |                                                |                                         |                             |                              |                                 |                 |              |
| 17                              | CC.17             | Tao Thị Ёn                                                                               | 16/01/1990                  | Nữ           | Dân tộc<br>Lự   | Bản Hón I, xã Bản<br>Hón,<br>huyện Tam Đường,<br>tỉnh Lai Châu        | Thanh tra<br>Sở Công thương                    | Tự động hóa<br>xí nghiệp<br>công nghiệp | Kỹ thuật<br>điện            | Đại học                      | 25,00                           | 5               | 30,00        |
|                                 | 2                 | Vị trí việc làm: Quản lý năng lượng - Phòng Quản lý Năng lượng Sở Công Thương            |                             |              |                 |                                                                       |                                                |                                         |                             |                              |                                 |                 |              |
| 18                              | CC.18             | Lý Văn Vần                                                                               | 21/09/1989                  | Nam          | Dân tộc<br>Giáy | Bản Nậm Xe, xã<br>Nậm Xe,<br>huyện Phong Thổ,<br>tỉnh Lai Châu        | Phòng Quản lý<br>năng lượng<br>Sở Công thương  | Tự động hóa<br>xí nghiệp<br>công nghiệp | Kỹ thuật<br>điện            | Đại học                      | 53,00                           | 5               | 58,00        |
|                                 | 3                 | Vị trí việc làm: Quản lý về khuyến công - Phòng Quản lý Công nghiệp Sở Công Thương       |                             |              |                 |                                                                       |                                                |                                         |                             |                              |                                 |                 |              |
| 19                              | CC.19             | Vàng A Ánh                                                                               | 12/08/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | Tả Lèng, huyện Tam<br>Đường,<br>tỉnh Lai Châu                         | Phòng Quản lý<br>công nghiệp<br>Sở Công thương | Quản lý công<br>nghiệp                  | Quản lý<br>công<br>nghiệp   | Đại học                      | 59,00                           | 5               | 64,00        |
| 20                              | CC.20             | Thào A Súa                                                                               | 10/08/1987                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | Bản Hua Cườm 3, xã<br>Trung Đồng,<br>huyện Tân Uyên,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Quản lý<br>công nghiệp<br>Sở Công thương | Quản lý<br>công nghiệp                  | Quản lý<br>công<br>nghiệp   | Đại học                      | 28,00                           | 5               | 33,00        |

| STT | Số<br>báo<br>danh           | Họ và tên                                                                   | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                        | Đơn vị<br>dự tuyển                                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo        | Ngành<br>đào tạo                                          | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|-----|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
|     | 4                           | Vị trí việc làm: Quản lý thương mại - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sin Hồ |                             |              |                 |                                                               |                                                     |                                   |                                                           |                              |                                 |                 |              |
| 21  | CC.21                       | Lò Văn Quyết                                                                | 04/04/1990                  | Nam          | Dân tộc<br>Thái | Bản Pắc Ta, xã Pắc<br>Ta,<br>huyện Tân Uyên,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Kinh tế và<br>Hạ tầng<br>UBND huyện Sin<br>Hồ | Quản trị<br>kinh doanh            | Quản trị<br>kinh<br>doanh                                 | Đại học                      | 50,50                           | 5               | 55,50        |
| IV  | LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI |                                                                             |                             |              |                 |                                                               |                                                     |                                   |                                                           |                              |                                 |                 |              |
|     | 1                           | Vị trí việc làm: Thanh tra - Thanh tra Sở Giao thông vận tải                |                             |              |                 |                                                               |                                                     |                                   |                                                           |                              |                                 |                 |              |
| 22  | CC.22                       | Tao Văn Khảm                                                                | 16/11/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Lự   | xã Bản Hon, huyện<br>Tam Đường,<br>tỉnh Lai Châu              | Thanh tra Sở Giao<br>thông vận tải                  | Kỹ thuật an<br>toàn giao<br>thông | Công<br>nghệ kỹ<br>thuật<br>giao<br>thông                 | Đại học                      | 0                               | 5               | 5,00         |
| 23  | CC.23                       | Lò Thị Lan                                                                  | 13/10/1992                  | Nữ           | Dân tộc<br>Thái | Xã Mường Cang,<br>huyện Tân Uyên,<br>tỉnh Lai Châu            | Thanh tra Sở Giao<br>thông vận tải                  | Xây dựng<br>cầu<br>đường bộ       | Kỹ thuật<br>xây<br>dựng<br>công<br>trình<br>giao<br>thông | Đại học                      | 67,00                           | 5               | 72,00        |
| 24  | CC.24                       | Lò Văn Chuẩn                                                                | 16/07/1989                  | Nam          | Dân tộc<br>Thái | xã Mường Tè,<br>huyện Mường Tè,<br>Lai Châu                   | Thanh tra Sở Giao<br>thông vận tải                  | Xây dựng<br>cầu<br>đường bộ       | Kỹ thuật<br>xây<br>dựng<br>công<br>trình<br>giao          | Đại học                      | 50,50                           | 5               | 55,50        |



| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên                                                                           | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                          | Đơn vị<br>dự tuyển                                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo                      | Ngành<br>đào tạo                                          | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
| 25  | CC.25             | Lý A Vàng                                                                           | 08/05/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | xã Sùng Phài,<br>huyện Tam Đường,<br>tỉnh Lai Châu              | Thanh tra Sở Giao<br>thông vận tải                  | Kỹ thuật<br>công trình<br>giao thông            | Kỹ thuật<br>công<br>trình<br>giao<br>thông                | Đại học                      | 24,50                           | 5               | 29,50        |
| 2   |                   | Vị trí việc làm: Quản lý giao thông vận tải - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sìn Hồ |                             |              |                 |                                                                 |                                                     |                                                 |                                                           |                              |                                 |                 |              |
| 26  | CC.26             | Tần Lao Tả                                                                          | 01/10/1990                  | Nam          | Dân tộc<br>Dao  | Xã Sì Lở Lầu,<br>huyện Phong Thổ,<br>tỉnh Lai Châu              | Phòng Kinh tế và<br>Hạ tầng<br>UBND huyện Sìn<br>Hồ | Xây dựng<br>cầu đường bộ                        | Kỹ thuật<br>xây<br>dựng<br>công<br>trình<br>giao<br>thông | Đại học                      | 78,00                           | 5               | 83,00        |
| 27  | CC.27             | Sùng A Linh                                                                         | 15/10/1994                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | Bản Nậm Ngà, xã Tà<br>Tông,<br>huyện Mường Tè,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Kinh tế và<br>Hạ tầng<br>UBND huyện Sìn<br>Hồ | Quản lý xây<br>dựng<br>công trình<br>giao thông | Kỹ thuật<br>xây<br>dựng<br>công<br>trình<br>giao<br>thông | Đại học                      | 61,00                           | 5               | 66,00        |
| V   |                   | LĨNH VỰC XÂY DỰNG                                                                   |                             |              |                 |                                                                 |                                                     |                                                 |                                                           |                              |                                 |                 |              |
| 1   |                   | Vị trí việc làm: Quản lý hoạt động xây dựng - Phòng Quản lý xây dựng Sở Xây dựng    |                             |              |                 |                                                                 |                                                     |                                                 |                                                           |                              |                                 |                 |              |
| 28  | CC.28             | Sùng Thị Mỹ                                                                         | 19/04/1990                  | Nữ           | Dân tộc<br>Mông | xã Lùng Thàng,<br>huyện Sìn Hồ, tỉnh<br>Lai Châu                | Phòng Quản lý xây<br>dựng<br>Sở Xây dựng            | Xây dựng<br>dân dụng<br>và công<br>nghiệp       | Kỹ thuật<br>công<br>trình<br>xây<br>dựng                  | Đại học                      | 6,00                            | 5               | 11,00        |

| STT | Số báo danh                                                                                | Họ và tên     | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                     | Đơn vị dự tuyển                                | Chuyên ngành đào tạo                   | Ngành đào tạo                | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|--------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 29  | CC.29                                                                                      | Sùng A Đào    | 04/03/1990            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Sùng Chô, xã Nậm Loỏng, TP Lai Châu                 | Phòng Quản lý xây dựng Sở Xây dựng             | Kỹ thuật xây dựng công trình           | Kỹ thuật xây dựng công trình | Đại học             | 39,50                  | 5            | 44,50     |
| 2   | Vị trí việc làm: Quản lý kinh tế xây dựng - Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng |               |                       |           |              |                                                         |                                                |                                        |                              |                     |                        |              |           |
| 30  | CC.30                                                                                      | Trần Văn Ninh | 10/03/1994            | Nam       | Dân tộc Giáy | Bản Giang, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, Lai Châu      | Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng | Kinh tế xây dựng công trình giao thông | Kinh tế xây dựng             | Đại học             | 24,75                  | 5            | 29,75     |
| 31  | CC.31                                                                                      | Sùng A Cầu    | 18/06/1993            | Nam       | Dân tộc Mông | Xã Làng Mô, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu                 | Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng | Kinh tế quản lý khai thác cầu đường    | Kinh tế xây dựng             | Đại học             | 52,00                  | 5            | 57,00     |
| 32  | CC.31                                                                                      | Sùng A Má     | 02/10/1991            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Sin Chải, xã Đào San, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu | Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng | Kinh tế xây dựng công trình giao thông | Kinh tế xây dựng             | Đại học             | 42,50                  | 5            | 47,50     |
| 33  | CC.33                                                                                      | Lò Văn Tha    | 13/02/1992            | Nam       | Dân tộc Cống | bản Táng Nga, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu | Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng | Kinh tế xây dựng công trình giao thông | Kinh tế xây dựng             | Đại học             | 7,00                   | 5            | 12,00     |



| STT | Số báo danh                                                                                                        | Họ và tên      | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                     | Đơn vị dự tuyển                                           | Chuyên ngành đào tạo                   | Ngành đào tạo                | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn   | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------|----------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|---------------------|--------------------------|--------------|-----------|
| 34  | CC.34                                                                                                              | Lò Thị Lun     | 10/10/1991            | Nữ        | Dân tộc Thái   | Bản Pắc Lý, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu    | Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng            | Kinh tế xây dựng công trình giao thông | Kinh tế xây dựng             | Đại học             | Không tham gia phỏng vấn |              |           |
| 3   | Vị trí việc làm: Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản Sở Xây dựng |                |                       |           |                |                                                         |                                                           |                                        |                              |                     |                          |              |           |
| 35  | CC.35                                                                                                              | Khoảng Văn Anh | 12/02/1992            | Nam       | Dân tộc Cống   | Bản Nậm Pục, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Sở Xây dựng | Quản lý xây dựng                       | Quản lý xây dựng             | Đại học             | 2,00                     | 5            | 7,00      |
| 36  | CC.36                                                                                                              | Chu Xú Po      | 15/06/1990            | Nam       | Dân tộc Hà Nhì | xã Thu Lũm, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu               | Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Sở Xây dựng | Kỹ thuật hạ tầng đô thị                | Kỹ thuật xây dựng            | Đại học             | 13,50                    | 5            | 18,50     |
| 4   | Vị trí việc làm: Quản lý xây dựng - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Than Uyên                                       |                |                       |           |                |                                                         |                                                           |                                        |                              |                     |                          |              |           |
| 37  | CC.37                                                                                                              | Lò Văn Thạnh   | 20/05/1993            | Nam       | Dân tộc Thái   | Bản Chít, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu  | Phòng Kinh tế và hạ tầng UBND huyện Than Uyên             | Kỹ thuật công trình xây dựng           | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 0                        | 5            | 5,00      |
| 38  | CC.38                                                                                                              | Vừ Thị Hoa     | 02/09/1987            | Nữ        | Dân tộc Mông   | xã Khoen On, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu             | Phòng Kinh tế và hạ tầng UBND huyện Than Uyên             | Xây dựng dân dụng và công nghiệp       | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 67,50                    | 5            | 72,50     |
| 5   | Vị trí việc làm: Quản lý xây dựng - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sìn Hồ                                          |                |                       |           |                |                                                         |                                                           |                                        |                              |                     |                          |              |           |



| STT                                                    | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên                                                                                                   | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                                  | Đơn vị<br>dự tuyển                                                        | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo                        | Ngành<br>đào tạo                   | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
| 39                                                     | CC.39             | Tao Văn Ủy                                                                                                  | 07/08/1990                  | Nam          | Dân tộc<br>Lự   | xã Lũng Thàng,<br>huyện Sin Hồ, tỉnh<br>Lai Châu                        | Phòng Kinh tế và<br>Hạ tầng<br>UBND huyện Sin<br>Hồ                       | Xây dựng<br>dân dụng<br>và công<br>nghiệp         | Xây dựng                           | Đại học                      | 5,50                            | 5               | 10,50        |
| 40                                                     | CC.40             | Triệu Tài Bảo                                                                                               | 11/01/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Dao  | Bản Phăng Sô Lin,<br>xã Phăng Sô Lin,<br>huyện Sin Hồ, tỉnh<br>Lai Châu | Phòng Kinh tế và<br>Hạ tầng<br>UBND huyện Sin<br>Hồ                       | Quản lý xây<br>dựng                               | Quản lý<br>xây<br>dựng (đô<br>thị) | Đại học                      | 53,50                           | 5               | 58,50        |
| <b>VI LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> |                   |                                                                                                             |                             |              |                 |                                                                         |                                                                           |                                                   |                                    |                              |                                 |                 |              |
|                                                        | 1                 | Vị trí việc làm: Quản lý về thủy lợi - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nậm Nhùn             |                             |              |                 |                                                                         |                                                                           |                                                   |                                    |                              |                                 |                 |              |
| 41                                                     | CC.41             | Giàng Thị Mỷ                                                                                                | 03/03/1994                  | Nữ           | Dân tộc<br>Mông | Bản Hợp II, xã Đào<br>San, huyện Phong<br>Thổ<br>tỉnh Lai Châu          | Phòng Nông<br>nghiệp và Phát<br>triển nông thôn<br>UBND huyện Nậm<br>Nhùn | Kỹ thuật hạ<br>tầng và<br>phát triển<br>nông thôn | Kỹ thuật<br>tài<br>nguyên<br>nước  | Đại học                      | 53,50                           | 5               | 58,50        |
|                                                        | 2                 | Vị trí việc làm: Theo dõi xây dựng nông thôn mới - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nậm Nhùn |                             |              |                 |                                                                         |                                                                           |                                                   |                                    |                              |                                 |                 |              |
| 42                                                     | CC.42             | Chèo A Sun                                                                                                  | 07/02/1994                  | Nữ           | Dân tộc<br>Dao  | xã Tả Phìn, huyện<br>Sin Hồ,<br>tỉnh Lai Châu                           | Phòng Nông<br>nghiệp và Phát<br>triển nông thôn<br>UBND huyện Nậm<br>Nhùn | Phát triển<br>nông thôn                           | Phát triển<br>nông<br>thôn         | Đại học                      | 28,00                           | 5               | 33,00        |
| <b>VII LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>        |                   |                                                                                                             |                             |              |                 |                                                                         |                                                                           |                                                   |                                    |                              |                                 |                 |              |
|                                                        | 1                 | Vị trí việc làm: Quản lý văn hóa - Phòng Quản lý Văn hóa và gia đình Sở Văn hóa thể thao và Du lịch         |                             |              |                 |                                                                         |                                                                           |                                                   |                                    |                              |                                 |                 |              |



| STT  | Số<br>báo<br>danh                                                                           | Họ và tên     | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                               | Đơn vị<br>dự tuyển                                                        | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo                                       | Ngành<br>đào tạo                                  | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------|--------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
| 43   | CC.43                                                                                       | Tao Thị Sơn   | 18/10/1991                  | Nữ           | Dân tộc<br>Lự   | Bản Đông Pao II, xã<br>Bản Hon,<br>huyện Tam Đường,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Quản lý văn<br>hóa và gia đình<br>Sở Văn hóa thể<br>thao và du lịch | Quản lý nhà<br>nước về<br>văn hóa vùng<br>dân tộc thiểu<br>số    | Văn hóa<br>các<br>dân tộc<br>thiểu số             | Đại học                      | 11,50                           | 5               | 16,50        |
| 44   | CC.44                                                                                       | Giàng A Tùng  | 07/06/1990                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | xã Nậm Loỏng,<br>thành phố Lai Châu                                  | Phòng Quản lý văn<br>hóa và gia đình<br>Sở Văn hóa thể<br>thao và du lịch | Tổ chức các<br>hoạt động<br>văn hóa dân<br>tộc thiểu số          | Văn hóa<br>các<br>dân tộc<br>thiểu số<br>Việt Nam | Đại học                      | 32,00                           | 5               | 37,00        |
| 45   | CC.45                                                                                       | Sùng Thị Linh | 28/11/1994                  | Nữ           | Dân tộc<br>Mông | Khu 4, Thị trấn Sìn<br>Hồ,<br>huyện Sìn Hồ, tỉnh<br>Lai Châu         | Phòng Quản lý văn<br>hóa và gia đình<br>Sở Văn hóa thể<br>thao và du lịch | Ngành tổ<br>chức các<br>hoạt động<br>văn hóa dân<br>tộc thiểu số | Văn hóa<br>dân tộc<br>thiểu số<br>Việt Nam        | Đại học                      | 64,50                           | 5               | 69,50        |
| 2    | Vị trí việc làm: Quản lý văn hóa thông tin cơ sở - Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Mường Tè |               |                             |              |                 |                                                                      |                                                                           |                                                                  |                                                   |                              |                                 |                 |              |
| 46   | CC.46                                                                                       | Sùng A Chăn   | 07/10/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | xã Tả Ngáo, huyện<br>Sìn Hồ,<br>tỉnh Lai Châu                        | Phòng Văn hóa<br>thông tin<br>UBND huyện<br>Mường Tè                      | Tổ chức các<br>hoạt động<br>văn hóa dân<br>tộc thiểu số          | Văn hóa<br>dân tộc<br>thiểu số<br>Việt Nam        | Đại học                      | 12,00                           | 5               | 17,00        |
| VIII | LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG                                                           |               |                             |              |                 |                                                                      |                                                                           |                                                                  |                                                   |                              |                                 |                 |              |
| 1    | Vị trí việc làm: Quản lý môi trường - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sìn Hồ           |               |                             |              |                 |                                                                      |                                                                           |                                                                  |                                                   |                              |                                 |                 |              |



| STT | Số báo danh                                                                                          | Họ và tên      | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                              | Đơn vị dự tuyển                                    | Chuyên ngành đào tạo             | Ngành đào tạo                    | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------|----------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 47  | CC.47                                                                                                | Lò Văn Mưa     | 10/05/1990            | Nam       | Dân tộc Khơ Mú | Bản Tân Lập, Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu    | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ   | Quản lý tài nguyên và môi trường | Quản lý tài nguyên và môi trường | Đại học             | 52,50                  | 5            | 57,50     |
| 2   | Vị trí việc làm: Quản lý Tài nguyên nước, khoáng sản - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường Tè |                |                       |           |                |                                                                  |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |
| 48  | CC.48                                                                                                | Chèo Mìn Khín  | 08/10/1992            | Nam       | Dân tộc Dao    | xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu                     | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Mường Tè | Thiết kế hệ thống thủy lợi       | Kỹ thuật tài nguyên nước         | Đại học             | 56,00                  | 5            | 61,00     |
| 49  | CC.49                                                                                                | Giàng Mì Tổ    | 03/07/1989            | Nữ        | Dân tộc Hà Nhì | Bản Ma Lù Thàng I, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Mường Tè | Quản lý hệ thống thủy lợi        | Kỹ thuật tài nguyên nước         | Đại học             | 28,50                  | 5            | 33,50     |
| 3   | Vị trí việc làm: Quản lý Tài nguyên nước, khoáng sản - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sìn Hồ   |                |                       |           |                |                                                                  |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |
| 50  | CC.50                                                                                                | Nông Đức Thắng | 04/08/1993            | Nam       | Dân tộc Giáy   | Bản Mẫu, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu               | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ   | Tuyển khoáng                     | Kỹ thuật tuyển khoáng            | Đại học             | 58,00                  | 5            | 63,00     |
| 51  | CC.51                                                                                                | Tao Văn Sọn    | 07/12/1990            | Nam       | Dân tộc Lự     | xã Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu                       | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ   | Khai thác                        | Kỹ thuật mỏ                      | Đại học             | 28,50                  | 5            | 33,50     |
| 4   | Vị trí việc làm: Quản lý đất đai - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sìn Hồ                       |                |                       |           |                |                                                                  |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |



| STT                                          | Số báo danh | Họ và tên                                                                                                       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                              | Đơn vị dự tuyển                                  | Chuyên ngành đào tạo     | Ngành đào tạo            | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|----------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 52                                           | CC.52       | Giang A Dính                                                                                                    | 20/05/1990            | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Mít Nọi, xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên, Lai Châu | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ | Kỹ thuật trắc địa bản đồ | Kỹ thuật trắc địa bản đồ | Đại học             | 54,00                  | 5            | 59,00     |
| <b>IX LĨNH VỰC VĂN PHÒNG HĐND-UBND HUYỆN</b> |             |                                                                                                                 |                       |           |                |                                                  |                                                  |                          |                          |                     |                        |              |           |
|                                              | 1           | <b>Vị trí: Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính, Lễ tân đối ngoại - Văn phòng HĐND - UBND huyện Mường Tè</b> |                       |           |                |                                                  |                                                  |                          |                          |                     |                        |              |           |
| 53                                           | CC.53       | Lý Thị Dê                                                                                                       | 26/10/1993            | Nữ        | Dân tộc Mông   | xã Sùng Phài, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu     | Văn phòng HĐND-UBND huyện Mường Tè               | Quan hệ quốc tế          | Quan hệ quốc tế          | Đại học             | 20,50                  | 5            | 25,50     |
| 54                                           | CC.54       | Lý Phi Phạ                                                                                                      | 20/02/1994            | Nam       | Dân tộc Hà Nhì | Khu phố 10 Thị trấn Mường Tè, tỉnh Lai Châu      | Văn phòng HĐND-UBND huyện Mường Tè               | Quan hệ quốc tế          | Quan hệ quốc tế          | Đại học             | 57,00                  | 5            | 62,00     |
|                                              | 2           | <b>Vị trí việc làm: Hành chính tổng hợp - Văn phòng HĐND-UBND huyện Than Uyên</b>                               |                       |           |                |                                                  |                                                  |                          |                          |                     |                        |              |           |
| 55                                           | CC.55       | Mùa Thị Ly                                                                                                      | 05/04/1993            | Nữ        | Dân tộc Mông   | xã Tà Mung, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu       | Văn phòng HĐND-UBND huyện Than Uyên              | Luật                     | Luật                     | Đại học             | 31,00                  | 5            | 36,00     |
| 56                                           | CC.56       | Thào A Dê                                                                                                       | 27/06/1993            | Nam       | Dân tộc Mông   | xã Ta Gia, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu        | Văn phòng HĐND-UBND huyện Than Uyên              | Luật                     | Luật                     | Đại học             | 51,00                  | 5            | 56,00     |
|                                              | 3           | <b>Vị trí việc làm: Công nghệ thông tin - Văn phòng HĐND - UBND huyện Mường Tè</b>                              |                       |           |                |                                                  |                                                  |                          |                          |                     |                        |              |           |

| STT | Số<br>báo<br>danh                                                                                                      | Họ và tên                                                                           | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                           | Đơn vị<br>dự tuyển                        | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Ngành<br>đào tạo          | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn   | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|
| 57  | CC.57                                                                                                                  | Tổng Văn Nức                                                                        | 30/04/1995                  | Nam          | Dân tộc<br>Thái | xã Mường Tè,<br>huyện Mường Tè,<br>Lai Châu                      | Văn phòng HĐND-<br>UBND<br>huyện Mường Tè | Công nghệ<br>thông tin     | Công<br>nghệ<br>thông tin | Đại học                      | 65,00                             | 5               | 70,00        |
| X   | <b>LĨNH VỰC THANH TRA</b><br>- Vị trí việc làm: Phụ trách giải quyết khiếu nại tố cáo - Thanh tra huyện huyện Nậm Nhùn |                                                                                     |                             |              |                 |                                                                  |                                           |                            |                           |                              |                                   |                 |              |
| 58  | CC.58                                                                                                                  | Tao Văn Đăm                                                                         | 11/10/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Lự   | xã Nậm Tăm, huyện<br>Sìn Hồ,<br>tỉnh Lai Châu                    | Thanh tra huyện<br>Nậm Nhùn               | Luật học                   | Luật                      | Đại học                      | 62,00                             | 5               | 67,00        |
| 59  | CC.59                                                                                                                  | Hảng A Lồng                                                                         | 04/05/1994                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | xã Mù Sang,<br>huyện Phong Thổ,<br>tỉnh Lai Châu                 | Thanh tra huyện<br>Nậm Nhùn               | Luật                       | Luật                      | Đại học                      | 34,50                             | 5               | 39,50        |
| 60  | CC.60                                                                                                                  | Sùng Lành Lưu                                                                       | 05/11/1992                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | Khu 1, Thị trấn Sìn<br>Hồ,<br>huyện Sìn Hồ, tỉnh<br>Lai Châu     | Thanh tra huyện<br>Nậm Nhùn               | Luật                       | Luật                      | Đại học                      | 66,00                             | 5               | 71,00        |
| 61  | CC.61                                                                                                                  | Lý Y Long                                                                           | 04/04/1991                  | Nam          | Dân tộc<br>Dao  | Nhóm 2, xã Vàng<br>Ma Chải,<br>huyện Phong Thổ,<br>tỉnh Lai Châu | Thanh tra huyện<br>Nậm Nhùn               | Luật                       | Luật                      | Đại học                      | Không<br>tham gia<br>phỏng<br>vấn |                 |              |
| XI  | <b>LĨNH VỰC NỘI VỤ</b>                                                                                                 |                                                                                     |                             |              |                 |                                                                  |                                           |                            |                           |                              |                                   |                 |              |
|     | 1                                                                                                                      | Vị trí việc làm: Quản lý đội ngũ công chức, viên chức - Phòng Nội vụ huyện Mường Tè |                             |              |                 |                                                                  |                                           |                            |                           |                              |                                   |                 |              |



| STT | Số báo danh                                                                         | Họ và tên      | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc       | Nơi đăng ký hộ khẩu                                            | Đơn vị dự tuyển             | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------|---------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 62  | CC.62                                                                               | Vàng A Đung    | 07/09/1993            | Nam       | Dân tộc Mông  | Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | Phòng Nội vụ huyện Mường Tè | Luật                 | Luật          | Đại học             | 10,75                  | 5            | 15,75     |
| 63  | CC.63                                                                               | Pờ Cổ Ngợi     | 13/04/1994            | Nữ        | Dân tộc Si La | xã Kan Hồ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu                       | Phòng Nội vụ huyện Mường Tè | Luật                 | Luật          | Đại học             | 28,50                  | 5            | 33,50     |
| 2   | Vị trí việc làm: Quản lý đội ngũ công chức, viên chức - Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn |                |                       |           |               |                                                                |                             |                      |               |                     |                        |              |           |
| 64  | CC.64                                                                               | Phàng A Chu    | 18/09/1991            | Nam       | Dân tộc Mông  | Bản Ngải Chồ 1, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu  | Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn | Luật                 | Luật          | Đại học             | 53,50                  | 5            | 58,50     |
| 65  | CC.65                                                                               | Chảo Sênh Kiêm | 13/03/1995            | Nữ        | Dân tộc Dao   | Bản Nậm Chà, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu         | Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn | Luật                 | Luật          | Đại học             | 26,50                  | 5            | 31,50     |
| 3   | Vị trí việc làm: Quản lý tổ chức - biên chế và hội - Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn    |                |                       |           |               |                                                                |                             |                      |               |                     |                        |              |           |
| 66  | CC.66                                                                               | Nông Thị Quyết | 07/09/1995            | Nữ        | Dân tộc Giáy  | Bản Nà Bỏ, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu        | Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn | Luật                 | Luật          | Đại học             | 56,00                  | 5            | 61,00     |

| STT                         | Số báo danh | Họ và tên                                                                          | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                          | Đơn vị dự tuyển                 | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|---------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 67                          | CC.67       | Lù Văn Đức                                                                         | 17/02/1994            | Nam       | Dân tộc Giấy | xã San Thàng, TP Lai Châu                                    | Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn     | Luật kinh doanh      | Luật          | Đại học             | 81,50                  | 5            | 86,50     |
| <b>XII LĨNH VỰC TƯ PHÁP</b> |             |                                                                                    |                       |           |              |                                                              |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
|                             | 1           | Vị trí việc làm: Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở - Phòng Tư pháp huyện Sìn Hồ   |                       |           |              |                                                              |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
| 68                          | CC.68       | Vàng A Trùng                                                                       | 08/02/1991            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Pho Lao Chải, xã Tả Lèng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | Phòng Tư pháp UBND huyện Sìn Hồ | Luật                 | Luật          | Đại học             | 68,50                  | 5            | 73,50     |
| 69                          | CC.69       | Tần A Phàn                                                                         | 11/09/1993            | Nam       | Dân tộc Dao  | xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu                 | Phòng Tư pháp UBND huyện Sìn Hồ | Luật học             | Luật          | Đại học             | 20,50                  | 5            | 25,50     |
| 70                          | CC.70       | Tần Thị Dưa                                                                        | 05/10/1992            | Nữ        | Dân tộc Mông | xã Sùng Phài, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu                 | Phòng Tư pháp UBND huyện Sìn Hồ | Luật                 | Luật          | Đại học             | 55,50                  | 5            | 60,50     |
|                             | 2           | Vị trí việc làm: Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở - Phòng Tư pháp huyện Tân Uyên |                       |           |              |                                                              |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
| 71                          | CC.71       | Vàng A Lài                                                                         | 16/08/1994            | Nam       | Dân tộc Mông | Tả Lèng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu                      | Phòng Tư pháp huyện Tân Uyên    | Luật                 | Luật          | Đại học             | 56,00                  | 5            | 61,00     |



| STT  | Số báo danh                                                                                                                                                           | Họ và tên                                                                 | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                    | Đơn vị dự tuyển                                           | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------|---------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 72   | CC.72                                                                                                                                                                 | Lầu A Phê                                                                 | 13/09/1993            | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Ngam Cam, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu | Phòng Tư pháp huyện Tân Uyên                              | Luật                 | Luật          | Đại học             | 75,50                  | 5            | 80,50     |
| 73   | CC.73                                                                                                                                                                 | Lò Văn Sinh                                                               | 04/07/1994            | Nam       | Dân tộc Khơ Mú | Bản Hô Ta, xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu | Phòng Tư pháp huyện Tân Uyên                              | Luật                 | Luật          | Đại học             | 64,50                  | 5            | 69,50     |
| 74   | CC.74                                                                                                                                                                 | Sùng Sinh Trang                                                           | 12/07/1994            | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Sùng Chô, xã Nậm Loỏng, TP Lai Châu                | Phòng Tư pháp huyện Tân Uyên                              | Luật                 | Luật          | Đại học             | 68,50                  | 5            | 73,50     |
| XIII | <b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b><br>- Vị trí việc làm: Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề - Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Mường Tè |                                                                           |                       |           |                |                                                        |                                                           |                      |               |                     |                        |              |           |
| 75   | CC.75                                                                                                                                                                 | Lù Thúy Bình                                                              | 28/07/1995            | Nữ        | Dân tộc Hà Nhì | Bản Lò Ma, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu   | Phòng Lao động, thương binh và xã hội UBND huyện Mường Tè | Luật                 | Luật          | Đại học             | 64,50                  | 5            | 69,50     |
| 76   | CC.76                                                                                                                                                                 | Pờ Cổ Thom                                                                | 07/12/1995            | Nữ        | Dân tộc Si La  | xã Kan Hồ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu               | Phòng Lao động, thương binh và xã hội UBND huyện Mường Tè | Luật                 | Luật          | Đại học             | 28,00                  | 5            | 33,00     |
| XIV  | <b>LĨNH VỰC DÂN TỘC</b>                                                                                                                                               |                                                                           |                       |           |                |                                                        |                                                           |                      |               |                     |                        |              |           |
|      | 1                                                                                                                                                                     | Vị trí việc làm: Theo dõi công tác dân tộc - Phòng Dân tộc huyện Mường Tè |                       |           |                |                                                        |                                                           |                      |               |                     |                        |              |           |

| STT | Số báo danh                                                                | Họ và tên     | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc       | Nơi đăng ký hộ khẩu                                      | Đơn vị dự tuyển                    | Chuyên ngành đào tạo             | Ngành đào tạo                | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn   | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|--------------------------|--------------|-----------|
| 77  | CC.77                                                                      | Lò Văn Cường  | 15/10/1991            | Nam       | Dân tộc Công  | Bản Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | Phòng Dân tộc UBND huyện Mường Tè  | Luật                             | Luật                         | Đại học             | 17,00                    | 5            | 22,00     |
| 78  | CC.78                                                                      | Cứ A Phừ      | 09/08/1994            | Nam       | Dân tộc Mông  | xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu               | Phòng Dân tộc UBND huyện Mường Tè  | Luật                             | Luật                         | Đại học             | Không tham gia phỏng vấn |              |           |
| 79  | CC.79                                                                      | Lý Mai Phương | 18/09/1993            | Nữ        | Dân tộc La Hủ | xã Bum Tờ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu                 | Phòng Dân tộc UBND huyện Mường Tè  | Luật                             | Luật                         | Đại học             | 51,75                    | 5            | 56,75     |
| 2   | Vị trí việc làm: Theo dõi công tác dân tộc - Phòng Dân tộc huyện Phong Thổ |               |                       |           |               |                                                          |                                    |                                  |                              |                     |                          |              |           |
| 80  | CC.80                                                                      | Sùng A Sà     | 25/07/1993            | Nam       | Dân tộc Mông  | Bản Hợp II, xã Đào San, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu    | Phòng Dân tộc UBND huyện Phong Thổ | Kỹ thuật công trình xây dựng     | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 8,00                     | 5            | 13,00     |
| 81  | CC.81                                                                      | Lò Hữu Hải    | 01/06/1993            | Nam       | Dân tộc Thái  | 188 Trần Phú, phường Tân Phong, TP Lai Châu              | Phòng Dân tộc UBND huyện Phong Thổ | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 64,25                    | 5            | 69,25     |



**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN**  
**VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI SINH VIÊN CỬ TUYỂN NĂM 2019**  
 (Kèm theo Thông báo số 1134/TB-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu)



| STT                                  | Số báo danh | Họ và tên                                                                                                                                                 | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                     | Đơn vị dự tuyển                                     | Chuyên ngành đào tạo         | Ngành đào tạo                    | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|--------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| <b>I</b><br><b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b> |             |                                                                                                                                                           |                       |           |              |                                                         |                                                     |                              |                                  |                     |                        |              |           |
|                                      | <b>1</b>    | <b>Vị trí việc làm: Tư vấn, kiểm định chất lượng công trình - Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng (Phòng Giám định chất lượng) Sở Xây dựng</b>        |                       |           |              |                                                         |                                                     |                              |                                  |                     |                        |              |           |
| 1                                    | VC.01       | Lò Thị Ngươi                                                                                                                                              | 18/9/1995             | Nữ        | Dân tộc Thái | xã Noong Hèo, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu               | Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng       | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng           | Đại học             | 69,00                  | 5            | 74,00     |
|                                      | <b>2</b>    | <b>Vị trí việc làm: Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu công trình - Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng (Phòng Giám định chất lượng) Sở Xây dựng</b> |                       |           |              |                                                         |                                                     |                              |                                  |                     |                        |              |           |
| 2                                    | VC.02       | Giàng A Dững                                                                                                                                              | 02/08/1994            | Nam       | Dân tộc Mông | xã Tả Lèng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu              | Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng | Kỹ thuật xây dựng công trình | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Đại học             | 15,00                  | 5            | 20,00     |
| 3                                    | VC.03       | Ly A Hờ                                                                                                                                                   | 05/05/1992            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Nậm Doong, xã Pú Dao, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu | Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng | Kỹ thuật công trình xây dựng | Kỹ thuật công trình xây dựng     | Đại học             | 7,00                   | 5            | 12,00     |

| STT | Số báo danh | Họ và tên   | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                      | Đơn vị dự tuyển                                                      | Chuyên ngành đào tạo             | Ngành đào tạo                | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|-------------|-------------|-----------------------|-----------|--------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
|     |             |             |                       |           |              |                                                          |                                                                      |                                  |                              |                     |                        |              |           |
|     |             |             |                       |           |              |                                                          |                                                                      |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 4   | VC.04       | Lù Văn Ề    | 01/02/1989            | Nam       | Dân tộc Giấy | Bản Nà Sài, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng                  | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Xây dựng                     | Đại học             | 11,00                  | 5            | 16,00     |
| 5   | VC.05       | Lý Thị Kiếp | 07/12/1991            | Nữ        | Dân tộc Giấy | xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu                | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng                  | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 70,00                  | 5            | 75,00     |
| 4   |             |             |                       |           |              |                                                          |                                                                      |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 6   | VC.06       | Tao Văn Kéo | 01/6/1993             | Nam       | Dân tộc Lự   | xã Bản Hòn, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu               | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên huyện Than Uyên | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Xây dựng                     | Đại học             | 6,00                   | 5            | 11,00     |



| STT | Số báo danh                                                                                                               | Họ và tên   | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                         | Đơn vị dự tuyển                                                       | Chuyên ngành đào tạo             | Ngành đào tạo                | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 5   | Vị trí việc làm: Bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng - Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Than Uyên                 |             |                       |           |                |                                                             |                                                                       |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 7   | VC.07                                                                                                                     | Hà Văn Lanh | 30/9/1993             | Nam       | Dân tộc Thái   | Bản Vi, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu        | Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Than Uyên                          | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 54,00                  | 5            | 59,00     |
| II  | LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG                                                                                         |             |                       |           |                |                                                             |                                                                       |                                  |                              |                     |                        |              |           |
|     | Vị trí việc làm: Quan trắc hiện trạng môi trường - Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên môi trường |             |                       |           |                |                                                             |                                                                       |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 8   | VC.08                                                                                                                     | Mùa Thị Hà  | 18/10/1992            | Nữ        | Dân tộc Mông   | xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu                     | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Sở Tài nguyên môi trường | Thủy văn và tài nguyên nước      | Thủy văn                     | Đại học             | 35,50                  | 5            | 40,50     |
| 9   | VC.09                                                                                                                     | Lý Phí Mư   | 12/10/1993            | Nữ        | Dân tộc Hà Nhì | Khu phố 7, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Sở Tài nguyên môi trường | Quản lý giám nhẹ thiên tai       | Thủy văn                     | Đại học             | 38,00                  | 5            | 43,00     |

| STT                                                     | Số báo danh | Họ và tên                                                                                                                           | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                      | Đơn vị dự tuyển                                                              | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo   | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|---------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| III <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> |             |                                                                                                                                     |                       |           |                |                                                          |                                                                              |                      |                 |                     |                        |              |           |
|                                                         | 1           | <b>Vị trí việc làm: Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp - Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> |                       |           |                |                                                          |                                                                              |                      |                 |                     |                        |              |           |
| 10                                                      | VC.10       | Lò Duy Tùng                                                                                                                         | 06/5/1994             | Nam       | Dân tộc Thái   | Phường Đoàn Kết, TP Lai Châu                             | Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bảo vệ thực vật      | Bảo vệ thực vật | Đại học             | 61,00                  | 5            | 66,00     |
|                                                         | 2           | <b>Vị trí việc làm: Bảo vệ thực vật - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nậm Nhùn</b>                                              |                       |           |                |                                                          |                                                                              |                      |                 |                     |                        |              |           |
| 11                                                      | VC.11       | Lèng Văn Tun                                                                                                                        | 18/02/1993            | Nam       | Dân tộc Giáy   | Bản Nà Bò, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu  | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp UBND huyện Nậm Nhùn                            | Bảo vệ thực vật      | Bảo vệ thực vật | Đại học             | 90,00                  | 5            | 95,00     |
| 12                                                      | VC.12       | Lừu Mí Mi                                                                                                                           | 13/11/1989            | Nữ        | Dân tộc Hà Nhì | Bản Pô Tô, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp UBND huyện Nậm Nhùn                            | Bảo vệ thực vật      | Bảo vệ thực vật | Đại học             | 68,50                  | 5            | 73,50     |



| STT | Số báo danh   | Họ và tên                                                       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                           | Đơn vị dự tuyển                 | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo  | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| IV  | LĨNH VỰC Y TẾ |                                                                 |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |
|     | 1             | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |
| 13  | VC.13         | Vàng Lệ Thủy                                                    | 26/01/1992            | Nữ        | Dân tộc Dao  | Thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 76,75                  | 5            | 81,75     |
| 14  | VC.14         | Lò Văn Thành                                                    | 27/10/1989            | Nam       | Dân tộc Thái | Bản Hua Păn, Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 64,25                  | 5            | 69,25     |
|     | 2             | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Trung tâm Y tế Sìn Hồ  |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |
| 15  | VC.15         | Vàng Thị Lả                                                     | 03/10/1990            | Nữ        | Dân tộc Lự   | Bản Can Hồ, xã Lũng Thàng, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu        | Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ     | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 66,75                  | 5            | 71,75     |

| STT | Số báo danh | Họ và tên                                                        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                         | Đơn vị dự tuyển               | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo  | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
|     | 3           | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Trung tâm Y tế Mường Tè |                       |           |                |                                                             |                               |                      |                |                     |                        |              |           |
| 16  | VC.16       | Lò Thị Vân                                                       | 18/9/1992             | Nữ        | Dân tộc Thái   | Khu 8, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu     | Trung tâm Y tế huyện Mường Tè | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 83,50                  | 5            | 88,50     |
| 17  | VC.17       | Lù Chóng Ly                                                      | 15/8/1992             | Nam       | Dân tộc Hà Nhì | Khu phố 7, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | Trung tâm Y tế huyện Mường Tè | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 68,25                  | 5            | 73,25     |
|     | 4           | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Trung tâm Y tế Nậm Nhùn |                       |           |                |                                                             |                               |                      |                |                     |                        |              |           |
| 18  | VC.18       | Vàng A Cá                                                        | 05/6/1988             | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Phiêng Lăn, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu   | Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn | Bác sỹ đa khoa       | Y đa khoa      | Đại học             | 65,00                  | 5            | 70,00     |



# DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

## KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI SINH VIÊN CỬ TUYỂN NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 1134/TB-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu)



| STT                      | Số báo danh | Họ và tên                                                                                                                                                                                 | Ngày tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                  | Đơn vị dự tuyển                                     | Chuyên ngành đào tạo             | Ngành đào tạo                | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|--------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|--------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| <b>I</b>                 |             |                                                                                                                                                                                           |                      |           |              |                                                      |                                                     |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| <b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b> |             |                                                                                                                                                                                           |                      |           |              |                                                      |                                                     |                                  |                              |                     |                        |              |           |
|                          | <b>1</b>    | <b>Vị trí việc làm: Tư vấn, kiểm định chất lượng công trình - Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng (Phòng Giám định chất lượng) Sở Xây dựng</b>                                        |                      |           |              |                                                      |                                                     |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 1                        | VC.01       | Lò Thị Ngươi                                                                                                                                                                              | 18/9/1995            | Nữ        | Dân tộc Thái | xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu            | Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng           | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng       | Đại học             | 69,00                  | 5            | 74,00     |
|                          | <b>2</b>    | <b>Vị trí việc làm: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường - Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng (Phòng Giám định chất lượng) Sở Xây dựng</b> |                      |           |              |                                                      |                                                     |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 2                        | VC.05       | Lý Thị Kiếp                                                                                                                                                                               | 07/12/1991           | Nữ        | Dân tộc Giáy | xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu            | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 70,00                  | 5            | 75,00     |
|                          | <b>3</b>    | <b>Vị trí việc làm: Bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng - Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Than Uyên</b>                                                                          |                      |           |              |                                                      |                                                     |                                  |                              |                     |                        |              |           |
| 3                        | VC.07       | Hà Văn Lanh                                                                                                                                                                               | 30/9/1993            | Nam       | Dân tộc Thái | Bản Vi, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu | Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Than Uyên        | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | 54,00                  | 5            | 59,00     |

| STT                                              | Số báo danh                                                                                                                  | Họ và tên    | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                      | Đơn vị dự tuyển                                                              | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo   | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------|----------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| III LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN |                                                                                                                              |              |                       |           |                |                                                          |                                                                              |                      |                 |                     |                        |              |           |
| 1                                                | Vị trí việc làm: Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp - Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |              |                       |           |                |                                                          |                                                                              |                      |                 |                     |                        |              |           |
| 4                                                | VC.10                                                                                                                        | Lò Duy Tùng  | 06/5/1994             | Nam       | Dân tộc Thái   | Phường Đoàn Kết, TP Lai Châu                             | Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bảo vệ thực vật      | Bảo vệ thực vật | Đại học             | 61,00                  | 5            | 66,00     |
| 2                                                | Vị trí việc làm: Bảo vệ thực vật - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nậm Nhùn                                              |              |                       |           |                |                                                          |                                                                              |                      |                 |                     |                        |              |           |
| 5                                                | VC.11                                                                                                                        | Lèng Văn Tun | 18/02/1993            | Nam       | Dân tộc Giáy   | Bản Nà Bỏ, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu  | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp UBND huyện Nậm Nhùn                            | Bảo vệ thực vật      | Bảo vệ thực vật | Đại học             | 90,00                  | 5            | 95,00     |
| 6                                                | VC.12                                                                                                                        | Lừu Mí Mì    | 13/11/1989            | Nữ        | Dân tộc Hà Nhì | Bản Pô Tô, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp UBND huyện Nậm Nhùn                            | Bảo vệ thực vật      | Bảo vệ thực vật | Đại học             | 68,50                  | 5            | 73,50     |



| STT | Số báo danh   | Họ và tên                                                        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                           | Đơn vị dự tuyển                 | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo  | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| IV  | LĨNH VỰC Y TẾ |                                                                  |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |
|     | 1             | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh  |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |
| 7   | VC.13         | Vàng Lệ Thủy                                                     | 26/01/1992            | Nữ        | Dân tộc Dao  | Thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 76,75                  | 5            | 81,75     |
| 8   | VC.14         | Lò Văn Thành                                                     | 27/10/1989            | Nam       | Dân tộc Thái | Bản Hua Pắn, Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 64,25                  | 5            | 69,25     |
|     | 2             | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Trung tâm Y tế Sìn Hồ   |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |
| 9   | VC.15         | Vàng Thị Lả                                                      | 03/10/1990            | Nữ        | Dân tộc Lự   | Bản Can Hồ, xã Lũng Thàng, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu        | Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ     | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 66,75                  | 5            | 71,75     |
|     | 3             | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Trung tâm Y tế Mường Tè |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |                |                     |                        |              |           |

| STT | Số báo danh                                                      | Họ và tên   | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                         | Đơn vị dự tuyển               | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo  | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 10  | VC.16                                                            | Lò Thị Văn  | 18/9/1992             | Nữ        | Dân tộc Thái   | Khu 8, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu     | Trung tâm Y tế huyện Mường Tè | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 83,50                  | 5            | 88,50     |
| 11  | VC.17                                                            | Lù Chóng Ly | 15/8/1992             | Nam       | Dân tộc Hà Nhì | Khu phố 7, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | Trung tâm Y tế huyện Mường Tè | Bác sỹ đa khoa       | Bác sỹ đa khoa | Đại học             | 68,25                  | 5            | 73,25     |
| 4   | Vị trí việc làm: Bác sỹ khám/chữa bệnh - Trung tâm Y tế Nậm Nhùn |             |                       |           |                |                                                             |                               |                      |                |                     |                        |              |           |
| 12  | VC.18                                                            | Vàng A Cá   | 05/6/1988             | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Phiêng Lăn, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu   | Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn | Bác sỹ đa khoa       | Y đa khoa      | Đại học             | 65,00                  | 5            | 70,00     |



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN**  
**KỲ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI SINH VIÊN CỬ TUYỂN NĂM 2019**

(Kèm theo Thông báo số 1134/TB-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu)



| STT                                  | Số báo danh | Họ và tên                                                                                          | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                         | Đơn vị dự tuyển                               | Chuyên ngành đào tạo           | Ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|--------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|---------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| <b>I LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b> |             |                                                                                                    |                       |           |                |                                                             |                                               |                                |               |                     |                        |              |           |
|                                      | <b>1</b>    | <b>Vị trí việc làm: Quản lý kế hoạch và Đầu tư - Phòng Khoa giáo, Văn xã Sở Kế hoạch và Đầu tư</b> |                       |           |                |                                                             |                                               |                                |               |                     |                        |              |           |
| 1                                    | CC.02       | Sùng A Khua                                                                                        | 22/02/1990            | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Pu Chu Phìn, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ              | Phòng Khoa giáo văn xã Sở Kế hoạch và Đầu tư  | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên | Kinh tế       | Đại học             | 54,00                  | 5            | 59,00     |
|                                      | <b>2</b>    | <b>Vị trí việc làm: Quản lý kế hoạch và Đầu tư - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Mường Tè</b>     |                       |           |                |                                                             |                                               |                                |               |                     |                        |              |           |
| 2                                    | CC.07       | Mạ Lệ Phà                                                                                          | 04/07/1991            | Nam       | Dân tộc Hà Nhì | Khu phố 1, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | Phòng Tài chính kế hoạch UBND huyện Mường Tè  | Quản lý kinh tế                | Kinh tế       | Đại học             | 52,00                  | 5            | 57,00     |
|                                      | <b>3</b>    | <b>Vị trí việc làm: Quản lý kế hoạch và Đầu tư - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Than Uyên</b>    |                       |           |                |                                                             |                                               |                                |               |                     |                        |              |           |
| 3                                    | CC.10       | Hà Văn Hiên                                                                                        | 12/11/1993            | Nam       | Dân tộc Thái   | Xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu               | Phòng Tài chính kế hoạch UBND huyện Than Uyên | Kế hoạch                       | Kinh tế       | Đại học             | 54,50                  | 5            | 59,50     |
| <b>II LĨNH VỰC TÀI CHÍNH</b>         |             |                                                                                                    |                       |           |                |                                                             |                                               |                                |               |                     |                        |              |           |
|                                      |             | <b>Vị trí việc làm: Chuyên viên - Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp Sở Tài chính</b>            |                       |           |                |                                                             |                                               |                                |               |                     |                        |              |           |

| STT                                   | Số báo danh | Họ và tên                                                                                 | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                   | Đơn vị dự tuyển                                   | Chuyên ngành đào tạo              | Ngành đào tạo       | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|---------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 4                                     | CC.15       | Lò Quang Huy                                                                              | 14/12/1993            | Nam       | Dân tộc Giáy | Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, TP Lai Châu           | Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp Sở Tài chính | Quản lý kinh tế                   | Kinh tế             | Đại học             | 50,00                  | 5            | 55,00     |
| <b>III LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b>       |             |                                                                                           |                       |           |              |                                                       |                                                   |                                   |                     |                     |                        |              |           |
|                                       | 1           | <b>Vị trí việc làm: Quản lý năng lượng - Phòng Quản lý Năng lượng Sở Công Thương</b>      |                       |           |              |                                                       |                                                   |                                   |                     |                     |                        |              |           |
| 5                                     | CC.18       | Lý Văn Vần                                                                                | 21/09/1989            | Nam       | Dân tộc Giáy | Bản Nậm Xe, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | Phòng Quản lý năng lượng Sở Công thương           | Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp | Kỹ thuật điện       | Đại học             | 53,00                  | 5            | 58,00     |
|                                       | 2           | <b>Vị trí việc làm: Quản lý về khuyến công - Phòng Quản lý Công nghiệp Sở Công Thương</b> |                       |           |              |                                                       |                                                   |                                   |                     |                     |                        |              |           |
| 6                                     | CC.19       | Vàng A Ánh                                                                                | 12/08/1991            | Nam       | Dân tộc Mông | Tả Lèng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu               | Phòng Quản lý công nghiệp Sở Công thương          | Quản lý công nghiệp               | Quản lý công nghiệp | Đại học             | 59,00                  | 5            | 64,00     |
|                                       | 3           | <b>Vị trí việc làm: Quản lý thương mại - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sìn Hồ</b>        |                       |           |              |                                                       |                                                   |                                   |                     |                     |                        |              |           |
| 7                                     | CC.21       | Lò Văn Quyết                                                                              | 04/04/1990            | Nam       | Dân tộc Thái | Bản Pắc Ta, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu  | Phòng Kinh tế và Hạ tầng UBND huyện Sìn Hồ        | Quản trị kinh doanh               | Quản trị kinh doanh | Đại học             | 50,50                  | 5            | 55,50     |
| <b>IV LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> |             |                                                                                           |                       |           |              |                                                       |                                                   |                                   |                     |                     |                        |              |           |
|                                       | 1           | <b>Vị trí việc làm: Thanh tra - Thanh tra Sở Giao thông vận tải</b>                       |                       |           |              |                                                       |                                                   |                                   |                     |                     |                        |              |           |



| STT | Số<br>báo<br>danh                                                                          | Họ và tên  | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc         | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                 | Đơn vị<br>đự tuyển                                     | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo                   | Ngành<br>đào tạo                                 | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------|--------------|-----------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
| 8   | CC.23                                                                                      | Lò Thị Lan | 13/10/1992                  | Nữ           | Dân tộc<br>Thái | Xã Mường Cang,<br>huyện Than<br>Uyên,<br>tỉnh Lai Châu | Thanh tra Sở<br>Giao thông vận tải                     | Xây dựng<br>cầu<br>đường bộ                  | Kỹ thuật<br>xây dựng<br>công trình<br>giao thông | Đại học                      | 67,00                           | 5               | 72,00        |
| 2   | Vị trí việc làm: Quản lý giao thông vận tải - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sìn Hồ        |            |                             |              |                 |                                                        |                                                        |                                              |                                                  |                              |                                 |                 |              |
| 9   | CC.26                                                                                      | Tần Lao Tả | 01/10/1990                  | Nam          | Dân tộc<br>Dao  | Xã Sì Lở Lầu,<br>huyện Phong<br>Thổ, tỉnh Lai<br>Châu  | Phòng Kinh tế và<br>Hạ tầng<br>UBND huyện<br>Sìn Hồ    | Xây dựng<br>cầu đường bộ                     | Kỹ thuật<br>xây dựng<br>công trình<br>giao thông | Đại học                      | 78,00                           | 5               | 83,00        |
| V   | LĨNH VỰC XÂY DỰNG                                                                          |            |                             |              |                 |                                                        |                                                        |                                              |                                                  |                              |                                 |                 |              |
| 1   | Vị trí việc làm: Quản lý kinh tế xây dựng - Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng |            |                             |              |                 |                                                        |                                                        |                                              |                                                  |                              |                                 |                 |              |
| 10  | CC.31                                                                                      | Sùng A Cầu | 18/06/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông | Xã Làng Mò,<br>huyện Sìn Hồ,<br>tỉnh Lai Châu          | Phòng Kinh tế và<br>Vật liệu xây dựng<br>Sở Xây dựng   | Kinh tế quản<br>lý<br>khai thác<br>cầu đường | Kinh tế<br>xây dựng                              | Đại học                      | 52,00                           | 5               | 57,00        |
| 2   | Vị trí việc làm: Quản lý xây dựng - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Than Uyên               |            |                             |              |                 |                                                        |                                                        |                                              |                                                  |                              |                                 |                 |              |
| 11  | CC.38                                                                                      | Vừ Thị Hoa | 02/09/1987                  | Nữ           | Dân tộc<br>Mông | xã Khoen On,<br>huyện Than<br>Uyên, tỉnh Lai<br>Châu   | Phòng Kinh tế và<br>hạ tầng<br>UBND huyện<br>Than Uyên | Xây dựng<br>dân dụng<br>và công<br>nghiệp    | Kỹ thuật<br>công trình<br>xây dựng               | Đại học                      | 67,50                           | 5               | 72,50        |
| 3   | Vị trí việc làm: Quản lý xây dựng - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sìn Hồ                  |            |                             |              |                 |                                                        |                                                        |                                              |                                                  |                              |                                 |                 |              |

| STT                                                                                                 | Số báo danh | Họ và tên     | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                            | Đơn vị dự tuyển                                                  | Chuyên ngành đào tạo                                 | Ngành đào tạo                     | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|-----------------------|-----------|--------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
| 12                                                                                                  | CC.40       | Triệu Tài Bảo | 11/01/1991            | Nam       | Dân tộc Dao  | Bản Phăng Sô Lin, xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu | Phòng Kinh tế và Hạ tầng UBND huyện Sìn Hồ                       | Quản lý xây dựng                                     | Quản lý xây dựng (đô thị)         | Đại học             | 53,50                  | 5            | 58,50     |
| <b>VI LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                              |             |               |                       |           |              |                                                                |                                                                  |                                                      |                                   |                     |                        |              |           |
| Vị trí việc làm: Quản lý về thủy lợi - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nậm Nhùn     |             |               |                       |           |              |                                                                |                                                                  |                                                      |                                   |                     |                        |              |           |
| 13                                                                                                  | CC.41       | Giàng Thị Mây | 03/03/1994            | Nữ        | Dân tộc Mông | Bản Hợp II, xã Đào San, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu          | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn UBND huyện Nậm Nhùn    | Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn             | Kỹ thuật tài nguyên nước          | Đại học             | 53,50                  | 5            | 58,50     |
| <b>VII LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>                                                     |             |               |                       |           |              |                                                                |                                                                  |                                                      |                                   |                     |                        |              |           |
| Vị trí việc làm: Quản lý văn hóa - Phòng Quản lý Văn hóa và gia đình Sở Văn hóa thể thao và Du lịch |             |               |                       |           |              |                                                                |                                                                  |                                                      |                                   |                     |                        |              |           |
| 14                                                                                                  | CC.45       | Sùng Thị Linh | 28/11/1994            | Nữ        | Dân tộc Mông | Khu 4, Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu            | Phòng Quản lý văn hóa và gia đình Sở Văn hóa thể thao và du lịch | Ngành tổ chức các hoạt động văn hóa dân tộc thiểu số | Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam | Đại học             | 64,50                  | 5            | 69,50     |
| <b>VIII LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>                                                       |             |               |                       |           |              |                                                                |                                                                  |                                                      |                                   |                     |                        |              |           |



| STT | Số báo danh                        | Họ và tên                                                                                            | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                           | Đơn vị dự tuyển                                    | Chuyên ngành đào tạo             | Ngành đào tạo                    | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
|     | 1                                  | Vị trí việc làm: Quản lý môi trường - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sìn Hồ                    |                       |           |                |                                                               |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |
| 15  | CC.47                              | Lò Văn Mùa                                                                                           | 10/05/1990            | Nam       | Dân tộc Khơ Mú | Bản Tân Lập, Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ   | Quản lý tài nguyên và môi trường | Quản lý tài nguyên và môi trường | Đại học             | 52,50                  | 5            | 57,50     |
|     | 2                                  | Vị trí việc làm: Quản lý Tài nguyên nước, khoáng sản - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường Tè |                       |           |                |                                                               |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |
| 16  | CC.48                              | Chèo Min Khín                                                                                        | 08/10/1992            | Nam       | Dân tộc Dao    | xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu                  | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Mường Tè | Thiết kế hệ thống thủy lợi       | Kỹ thuật tài nguyên nước         | Đại học             | 56,00                  | 5            | 61,00     |
|     | 3                                  | Vị trí việc làm: Quản lý Tài nguyên nước, khoáng sản - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sìn Hồ   |                       |           |                |                                                               |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |
| 17  | CC.50                              | Nông Đức Thắng                                                                                       | 04/08/1993            | Nam       | Dân tộc Giáy   | Bản Mầu, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu            | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ   | Tuyển khoáng                     | Kỹ thuật tuyển khoáng            | Đại học             | 58,00                  | 5            | 63,00     |
|     | 4                                  | Vị trí việc làm: Quản lý đất đai - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sìn Hồ                       |                       |           |                |                                                               |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |
| 18  | CC.52                              | Giàng A Dính                                                                                         | 20/05/1990            | Nam       | Dân tộc Mông   | Bản Mít Nội, xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên, Lai Châu              | Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Sìn Hồ   | Kỹ thuật trắc địa bản đồ         | Kỹ thuật trắc địa bản đồ         | Đại học             | 54,00                  | 5            | 59,00     |
| IX  | LĨNH VỰC VĂN PHÒNG HĐND-UBND HUYỆN |                                                                                                      |                       |           |                |                                                               |                                                    |                                  |                                  |                     |                        |              |           |

| STT | Số báo danh                                                                                                     | Họ và tên                                                                                                | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                 | Đơn vị dự tuyển                     | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo       | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
|     | 1                                                                                                               | Vị trí: Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính, Lễ tân đối ngoại - Văn phòng HĐND - UBND huyện Mường Tè |                       |           |                |                                                     |                                     |                      |                     |                     |                        |              |           |
| 19  | CC.54                                                                                                           | Lý Phi Phạ                                                                                               | 20/02/1994            | Nam       | Dân tộc Hà Nhì | Khu phố 10 Thị trấn Mường Tè, tỉnh Lai Châu         | Văn phòng HĐND-UBND huyện Mường Tè  | Quan hệ quốc tế      | Quan hệ quốc tế     | Đại học             | 57,00                  | 5            | 62,00     |
|     | 2                                                                                                               | Vị trí việc làm: Hành chính tổng hợp - Văn phòng HĐND-UBND huyện Than Uyên                               |                       |           |                |                                                     |                                     |                      |                     |                     |                        |              |           |
| 20  | CC.56                                                                                                           | Thào A Dê                                                                                                | 27/06/1993            | Nam       | Dân tộc Mông   | xã Ta Gia, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu           | Văn phòng HĐND-UBND huyện Than Uyên | Luật                 | Luật                | Đại học             | 51,00                  | 5            | 56,00     |
|     | 3                                                                                                               | Vị trí việc làm: Công nghệ thông tin - Văn phòng HĐND - UBND huyện Mường Tè                              |                       |           |                |                                                     |                                     |                      |                     |                     |                        |              |           |
| 21  | CC.57                                                                                                           | Tổng Văn Nức                                                                                             | 30/04/1995            | Nam       | Dân tộc Thái   | xã Mường Tè, huyện Mường Tè, Lai Châu               | Văn phòng HĐND-UBND huyện Mường Tè  | Công nghệ thông tin  | Công nghệ thông tin | Đại học             | 65,00                  | 5            | 70,00     |
| X   | LĨNH VỰC THANH TRA<br>- Vị trí việc làm: Phụ trách giải quyết khiếu nại tố cáo - Thanh tra huyện huyện Nậm Nhùn |                                                                                                          |                       |           |                |                                                     |                                     |                      |                     |                     |                        |              |           |
| 22  | CC.60                                                                                                           | Sùng Lành Lưu                                                                                            | 05/11/1992            | Nam       | Dân tộc Mông   | Khu 1, Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu | Thanh tra huyện Nậm Nhùn            | Luật                 | Luật                | Đại học             | 66,00                  | 5            | 71,00     |
| XI  | LĨNH VỰC NỘI VỤ                                                                                                 |                                                                                                          |                       |           |                |                                                     |                                     |                      |                     |                     |                        |              |           |



| STT                         | Số báo danh | Họ và tên                                                                                                                                                             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc      | Nơi đăng ký hộ khẩu                                           | Đơn vị dự tuyển                 | Chuyên ngành đào tạo | Ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Kết quả điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|---------------|---------------------|------------------------|--------------|-----------|
|                             | 1           |  Vị trí việc làm: Quản lý đội ngũ công chức, viên chức - Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
| 23                          | CC.64       | Phảng A Chu                                                                                                                                                           | 18/09/1991            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Ngải Chồ 1, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn     | Luật                 | Luật          | Đại học             | 53,50                  | 5            | 58,50     |
|                             | 2           | Vị trí việc làm: Quản lý tổ chức - biên chế và hội - Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn                                                                                      |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
| 24                          | CC.67       | Lù Văn Đức                                                                                                                                                            | 17/02/1994            | Nam       | Dân tộc Giáy | xã San Thàng, TP Lai Châu                                     | Phòng Nội vụ huyện Nậm Nhùn     | Luật kinh doanh      | Luật          | Đại học             | 81,50                  | 5            | 86,50     |
| <b>XII LĨNH VỰC TƯ PHÁP</b> |             |                                                                                                                                                                       |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
|                             | 1           | Vị trí việc làm: Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở - Phòng Tư pháp huyện Sìn Hồ                                                                                      |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |
| 25                          | CC.68       | Vàng A Trùng                                                                                                                                                          | 08/02/1991            | Nam       | Dân tộc Mông | Bản Pho Lao Chải, xã Tả Lèng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu  | Phòng Tư pháp UBND huyện Sìn Hồ | Luật                 | Luật          | Đại học             | 68,50                  | 5            | 73,50     |
|                             | 2           | Vị trí việc làm: Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở - Phòng Tư pháp huyện Tân Uyên                                                                                    |                       |           |              |                                                               |                                 |                      |               |                     |                        |              |           |

| STT  | Số<br>báo<br>danh                                                                                                                                                     | Họ và tên                                                                  | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Dân tộc           | Nơi đăng ký<br>hộ khẩu                                          | Đơn vị<br>dự tuyển                                                    | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo                | Ngành<br>đào tạo                   | Trình<br>độ<br>chuyên<br>môn | Kết quả<br>điểm<br>phỏng<br>vấn | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------|
| 26   | CC.72                                                                                                                                                                 | Lâu A Pênh                                                                 | 13/09/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Mông   | Bản Ngam Cam,<br>xã Nậm Sỏ,<br>huyện Tân Uyên,<br>tỉnh Lai Châu | Phòng Tư pháp<br>huyện Tân Uyên                                       | Luật                                      | Luật                               | Đại học                      | 75,50                           | 5               | 80,50        |
| XIII | <b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b><br>- Vị trí việc làm: Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề - Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Mường Tè |                                                                            |                             |              |                   |                                                                 |                                                                       |                                           |                                    |                              |                                 |                 |              |
| 27   | CC.75                                                                                                                                                                 | Lù Thúy Bình                                                               | 28/07/1995                  | Nữ           | Dân tộc<br>Hà Nhì | Bản Lò Ma, xã<br>Ka Lăng,<br>huyện Mường<br>Tè, tỉnh Lai Châu   | Phòng Lao động,<br>thương binh và xã<br>hội<br>UBND huyện<br>Mường Tè | Luật                                      | Luật                               | Đại học                      | 64,50                           | 5               | 69,50        |
| XIV  | <b>LĨNH VỰC DÂN TỘC</b>                                                                                                                                               |                                                                            |                             |              |                   |                                                                 |                                                                       |                                           |                                    |                              |                                 |                 |              |
|      | 1                                                                                                                                                                     | Vị trí việc làm: Theo dõi công tác dân tộc - Phòng Dân tộc huyện Mường Tè  |                             |              |                   |                                                                 |                                                                       |                                           |                                    |                              |                                 |                 |              |
| 28   | CC.79                                                                                                                                                                 | Lý Mai Phương                                                              | 18/09/1993                  | Nữ           | Dân tộc<br>La Hủ  | xã Bum Tở,<br>huyện Mường<br>Tè,<br>tỉnh Lai Châu               | Phòng Dân tộc<br>UBND huyện<br>Mường Tè                               | Luật                                      | Luật                               | Đại học                      | 51,75                           | 5               | 56,75        |
|      | 2                                                                                                                                                                     | Vị trí việc làm: Theo dõi công tác dân tộc - Phòng Dân tộc huyện Phong Thổ |                             |              |                   |                                                                 |                                                                       |                                           |                                    |                              |                                 |                 |              |
| 29   | CC.81                                                                                                                                                                 | Lò Hữu Hải                                                                 | 01/06/1993                  | Nam          | Dân tộc<br>Thái   | 188 Trần Phú,<br>phường Tân<br>Phong, TP Lai<br>Châu            | Phòng Dân tộc<br>UBND huyện<br>Phong Thổ                              | Xây dựng<br>dân dụng<br>và công<br>nghiệp | Kỹ thuật<br>công trình<br>xây dựng | Đại học                      | 64,25                           | 5               | 69,25        |